**PHỤ LỤC SỐ 05**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng nhà nước)*

Tên nhà đầu tư:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số dự án đầu tư:

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHUYỂN VỐN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

***(Quý …… năm …….)***

*Đơn vị tính: Nghìn USD*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên dự án | Năm cấp phép | Nước tiếp nhận đầu tư | Tổng vốn đầu tư của dự án theo GCN ĐKĐT | Vốn góp của nhà đầu tư theo GCNĐKĐT | | | Số tiền đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp GCNĐKĐT | Giá trị góp vốn kỳ báo cáo | | | | | Giá trị góp vốn lũy kế | | | | | Lợi nhuận và thu nhập hợp pháp đã chuyển về VN | | Vốn đầu tư đã chuyển về VN | | Dự kiến nhu cầu chuyển vốn trong quý tiếp theo | | Tổ chức tín dụng được phép thực hiện | | Ghi chú |  |
| Bằng tiền | Lợi nhuận được phép giữ lại tái đầu tư | Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài | Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài | Giá trị góp vốn khác | Bằng tiền | Lợi nhuận được phép giữ lại tái đầu tư | Cho vay đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài | Bảo lãnh đối với pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài | Giá trị góp vốn khác | Kỳ báo cáo | Lũy kế | Kỳ báo cáo | Lũy kế | Bằng tiền | Giá trị góp vốn khác | Tên ngân hàng | Chi nhánh |  |
| Vốn tự có | Vốn vay | |  |
| Trong nước | Nước ngoài |  |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* | *21* | *2 2* | *23* | *24* | *25* | *26* | *27* | *28* |  |
| 1 | Dự án 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dự án 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…….. ngày ….. tháng ….. năm …..* **NHÀ ĐẦU TƯ** |

***1. Đối tượng áp dụng:*** Nhà đầu tư Việt Nam (cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng...) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và đã thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

***2. Thời gian gửi báo cáo:*** Chậm nhất ngày 5 của tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo.

***3. Hình thức báo cáo:*** Bằng văn bản.

***4. Đơn vị nhận báo cáo:*** NHNN chi nhánh, tỉnh thành phố nơi nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng có trụ sở chính hoặc nơi nhà đầu tư là cá nhân đăng ký thường trú hoặc nơi nhà đầu tư khác đăng ký kinh doanh.